

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
VIETNAM NATIONAL CHEMICAL GROUP

**DRYCELL AND STORAGE BATTERY
JOINT STOCK COMPANY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 314 /PA-CBTT
No.: 314 /PA-CBTT

Tp. HCM, ngày 18 tháng 04 năm 2025
Ho Chi Minh City, 18 April, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi : **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE
STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM/
DRYCELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán /*Stock code*: PAC

- Địa chỉ/*Address*: 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh,
Viet Nam./321 Tran Hung Dao, Co Giang Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028.39203062

Fax: 028.39203060

- E-mail: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính quý 1 năm 2025./
Dry Cell and Storage Battery Joint Stock Company announces Financial Statements for the first quarter of 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2025 tại đường dẫn www.pinaco.com.vn/This information was published on the company's website on 18/04/2025 (date), as in the link www.pinaco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính

kèm/Attached documents:

Báo cáo tài chính Q1/2024
Financial Statements for the first quarter of 2024.

Đại diện tổ chức

Organization representative



LÊ VĂN NĂM

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng

Ông Lê Văn Năm

Ông Nguyễn Văn Chung

Ông Nguyễn Quốc Việt

Ông Shigeru Ezure

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh

Bà Phan Thị Hoàng Giang

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm

Ông Nguyễn Điền Phước Chân

Ông Nguyễn Duy Hưng

Ông Nguyễn Hoàng Thành

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo

Phường Cô Giang, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.857.266.567.567	1.832.261.785.850
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	106.802.688.841	200.617.830.195
Tiền	111		91.802.688.841	170.617.830.195
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		455.000.000.000	555.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	455.000.000.000	555.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		405.078.295.835	191.740.806.102
Phải thu của khách hàng	131	6	361.629.401.196	154.936.408.793
Trả trước cho người bán	132	7	30.586.719.200	25.979.920.439
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	13.758.583.632	11.720.885.063
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(896.408.193)	(896.408.193)
Hàng tồn kho	140	10	680.942.784.258	696.245.897.537
Hàng tồn kho	141		686.245.673.775	701.548.787.054
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.302.889.517)	(5.302.889.517)
Tài sản ngắn hạn khác	150		209.442.798.633	188.657.252.016
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.104.135.341	5.646.799.672
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	204.338.663.292	183.010.452.344

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		698.059.062.427	702.519.485.529
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.570.326.105	5.840.446.253
Phải thu dài hạn khác	216		5.570.326.105	5.840.446.253
Tài sản cố định	220		384.251.236.446	394.061.085.307
Tài sản cố định hữu hình	221	11	344.335.496.789	353.610.702.820
Nguyên giá	222		1.407.494.520.291	1.395.325.533.792
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.063.159.023.502)	(1.041.714.830.972)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	30.478.905.697	31.931.408.443
Nguyên giá	225		47.125.644.645	47.125.644.645
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.646.738.948)	(15.194.236.202)
Tài sản cố định vô hình	227	13	9.436.833.960	8.518.974.044
Nguyên giá	228		42.269.029.434	40.995.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.832.195.474)	(32.476.055.390)
Tài sản dở dang dài hạn	240		29.133.051.926	20.570.467.953
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	29.133.051.926	20.570.467.953
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		246.604.447.950	249.547.486.016
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	207.126.111.429	210.856.810.468
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	17	3.585.532.416	3.585.532.416
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	35.892.804.105	35.105.143.132
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.555.325.629.994	2.534.781.271.379

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.558.318.952.279	1.565.895.833.608
Nợ ngắn hạn	310		1.545.416.201.613	1.550.850.787.215
Phải trả người bán	311	18	211.872.789.080	133.532.968.260
Người mua trả tiền trước	312		49.861.019.976	37.088.697.615
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	5.298.048.801	7.810.222.761
Phải trả người lao động	314		67.822.066.736	80.487.268.855
Chi phí phải trả	315	20	68.071.911.166	18.111.676.448
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.759.357.090	28.105.033.710
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.102.135.283.234	1.206.974.054.267
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	11.090.279.515	11.090.279.515
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	24.505.446.015	27.650.585.784
Nợ dài hạn	330		12.902.750.666	15.045.046.393
Phải trả dài hạn khác	337		1.409.600.000	1.909.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	11.493.150.666	13.135.446.393
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		997.006.677.715	968.885.437.771
Vốn chủ sở hữu	410	25	997.006.677.715	968.885.437.771
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		389.208.670.171	389.208.670.171
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.496.238.320	113.374.998.376
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		112.358.272.152	9.983.882.119
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.137.966.168	103.391.116.257
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.555.325.629.994	2.534.781.271.379

Ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	TM	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND	Lũy kế đến ngày 31/03/2025 VND	Lũy kế đến ngày 31/03/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	1.045.946.338.934	939.004.550.405	1.045.946.338.934	939.004.550.405
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	184.056.711.527	143.788.268.113	184.056.711.527	143.788.268.113
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	861.889.627.407	795.216.282.292	861.889.627.407	795.216.282.292
Giá vốn hàng bán	11	30	759.930.241.640	695.479.750.647	759.930.241.640	695.479.750.647
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		101.959.385.767	99.736.531.645	101.959.385.767	99.736.531.645
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	10.632.626.412	12.172.077.295	10.632.626.412	12.172.077.295
Chi phí tài chính	22	32	13.302.343.102	14.581.561.373	13.302.343.102	14.581.561.373
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.798.043.399</i>	<i>11.575.070.999</i>	<i>9.798.043.399</i>	<i>11.575.070.999</i>
Chi phí bán hàng	25	33	43.013.478.971	41.640.128.809	43.013.478.971	41.640.128.809
Chi phí quản lý DN	26	34	15.309.614.456	15.279.349.136	15.309.614.456	15.279.349.136
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		40.966.575.650	40.407.569.622	40.966.575.650	40.407.569.622
Thu nhập khác	31		119.364.626	57.024.485	119.364.626	57.024.485
Chi phí khác	32		31.401	1.857.880	31.401	1.857.880
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		119.333.225	55.166.605	119.333.225	55.166.605
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.085.908.875	40.462.736.227	41.085.908.875	40.462.736.227
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	11.947.942.707	12.631.083.133	11.947.942.707	12.631.083.133
Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		29.137.966.168	27.831.653.094	29.137.966.168	27.831.653.094
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	564	539	564	539

Ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán - Tài chính



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		41.085.908.875	40.462.736.227
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.255.591.083	20.900.646.826
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.139.411.900	(418.954.094)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.780.085.372)	(11.185.037.458)
Chi phí lãi vay	06		9.798.043.399	11.575.070.999
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		71.498.869.885	61.334.462.500
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(234.224.706.733)	(141.618.782.309)
Biến động hàng tồn kho	10		14.515.452.306	(19.686.445.945)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		72.644.138.271	33.265.522.591
Biến động chi phí trả trước	12		4.273.363.370	1.041.490.074
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.091.554.613)	(10.569.267.004)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.181.108.272)	(15.274.069.061)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.145.139.769)	(4.150.593.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(96.710.685.555)	(95.657.682.318)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(22.157.986.294)	(9.832.116.701)
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(165.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		295.000.000.000	50.870.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.181.496.333	4.853.727.240
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		113.023.510.039	(4.108.389.461)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		675.789.859.481	725.575.485.619
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(783.486.765.028)	(647.869.182.206)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.642.295.727)	(6.666.980.472)
Tiền trả cổ tức	36		-	(23.235.853.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(109.339.201.274)	47.803.469.441
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(93.026.376.790)	(51.962.602.338)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		200.617.830.195	161.948.859.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(788.764.564)	1.897.605.233
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	106.802.688.841	111.883.862.768

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	21.197.888.591	15.853.858.116

Ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán

Người duyệt:





Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/03/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 2 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty có 1.258 nhân viên (01/01/2025: 1.255 nhân viên).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tiền

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	8.375.406.367	8.551.848.142
Tiền gửi ngân hàng	83.427.282.474	136.882.843.065
Tiền đang chuyển	-	25.183.138.988
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	30.000.000.000
	106.802.688.841	200.617.830.195

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 5,2% đến 6,1% (1/1/2025: 6,2% đến 9,5%).

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Romisa Trading Enterprises	35.004.334.232	14.480.791.661
Mr. Chea Se	28.218.494.943	18.667.560.785
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	18.091.596.486	12.005.768.664
Sterlingson Pte Ltd	13.876.608.010	-
Azb International Fzco	10.760.830.904	1.998.837.738
Công ty TNHH Ấc quy Vĩnh Phúc	10.742.734.080	8.288.593.920
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dũng Phượng	9.727.130.787	4.428.760.581
Ibrahim Salih Younis Company	9.609.585.746	2.910.791.009
Công ty TNHH Ford Việt Nam	8.117.299.105	4.999.035.173
Công ty TNHH Ấc Quy Ngân Lê Một	6.360.316.495	2.473.076.018
Các khách hàng khác	211.120.470.408	84.683.193.244
	361.629.401.196	154.936.408.793

7. Trả trước cho người bán

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Gia	5.443.420.160	2.805.228.160
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	5.206.684.769	7.065.315.793
Shenyang Zhonghe Wanxing Technology Co., Ltd	1.946.607.011	569.966.211
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	1.795.555.000	-
Wirtz Manufacturing Co., Inc	1.761.853.489	2.885.390.689
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	1.483.080.000	1.483.080.000
Sovema Group S.P.A	1.002.035.600	1.002.035.600
Các nhà cung cấp khác	11.947.483.171	10.168.903.986
	30.586.719.200	25.979.920.439

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	9.000.835.616	8.402.246.577
Trả trước cho thuê tài chính	2.462.222.719	2.658.679.353
Tạm ứng cho nhân viên	2.233.715.198	658.959.133
Phải thu khác	61.810.099	1.000.000
	13.758.583.632	11.720.885.063

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 31 tháng 03 năm 2025	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	620.187.361	(186.056.208)	434.131.153
Công ty Cổ phần Tái sinh Việt Nam	Trên 3 năm	312.681.520	(312.681.520)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	441.795.437	(155.799.477)	285.995.960
		1.374.664.318	(654.537.205)	720.127.113
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		1.616.535.306	(896.408.193)	720.127.113

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	620.187.361	(186.056.208)	434.131.153
Công ty Cổ phần Tái sinh Việt Nam	Trên 3 năm	312.681.520	(312.681.520)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	441.795.437	(155.799.477)	285.995.960
		1.374.664.318	(654.537.205)	720.127.113
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		1.616.535.306	(896.408.193)	720.127.113

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Số dư đầu kỳ	896.408.193	1.189.519.776
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	896.408.193	1.189.519.776

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	143.065.100.108		178.362.357.212	
Nguyên vật liệu	149.591.963.280		61.410.576.953	
Công cụ và dụng cụ	9.344.172.942		8.303.209.037	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	223.478.318.395		197.443.415.157	
Thành phẩm	160.763.708.319	(3.700.545.714)	256.026.817.964	(3.700.545.714)
Hàng hóa	2.410.731		2.410.731	
Hàng tồn kho	686.245.673.775	(3.700.545.714)	701.548.787.054	(3.700.545.714)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	35.892.804.105	(1.602.343.803)	35.105.143.132	(1.602.343.803)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Số dư đầu kỳ	5.302.889.517	3.710.244.930
Số trích lập/hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	5.302.889.517	3.710.244.930

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	212.031.204.299	1.123.895.937.306	40.187.669.522	14.363.403.055	4.847.319.610	1.395.325.533.792
Tăng trong kỳ	-	632.221.911	39.000.000	45.000.000	-	716.221.911
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở đang (Thuyết minh 14)	-	9.705.718.588	1.768.046.000	-	-	11.473.764.588
Chuyển qua Chi phí trả trước	-	-	-	(21.000.000)	-	(21.000.000)
Số dư cuối kỳ	212.031.204.299	1.134.233.877.805	41.994.715.522	14.387.403.055	4.847.319.610	1.407.494.520.291
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	154.025.504.430	838.296.519.165	32.874.294.142	12.939.202.696	3.579.310.539	1.041.714.830.972
Khấu hao trong kỳ	2.646.162.422	18.036.391.863	511.257.480	173.410.492	79.725.996	21.446.948.253
Chuyển qua Chi phí trả trước	-	-	-	(2.755.723)	-	(2.755.723)
Số dư cuối kỳ	156.671.666.852	856.332.911.028	33.385.551.622	13.109.857.465	3.659.036.535	1.063.159.023.502
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	58.005.699.869	285.599.418.141	7.313.375.380	1.424.200.359	1.268.009.071	353.610.702.820
Số dư cuối kỳ	55.359.537.447	277.900.966.777	8.609.163.900	1.277.545.590	1.188.283.075	344.335.496.789

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 642.924 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 (01/01/2025: 606.578 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.125.644.645	-	47.125.644.645
Số dư cuối kỳ	47.125.644.645	-	47.125.644.645
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	15.194.236.202	-	15.194.236.202
Khấu hao trong kỳ	1.452.502.746		1.452.502.746
Số dư cuối kỳ	16.646.738.948	-	16.646.738.948
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	31.931.408.443	-	31.931.408.443
Số dư cuối kỳ	30.478.905.697	-	30.478.905.697

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	23.114.143.021	12.662.107.757	5.218.778.656	40.995.029.434
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	1.274.000.000	-	1.274.000.000
Số dư cuối kỳ	23.114.143.021	13.936.107.757	5.218.778.656	42.269.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	16.359.373.626	10.897.903.108	5.218.778.656	32.476.055.390
Khấu hao trong kỳ	93.599.744	262.540.340	-	356.140.084
Số dư cuối kỳ	16.452.973.370	11.160.443.448	5.218.778.656	32.832.195.474
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	6.754.769.395	1.764.204.649	-	8.518.974.044
Số dư cuối kỳ	6.661.169.651	2.775.664.309	-	9.436.833.960

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 15.236 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm 2025 (01/01/2025: 15.236 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Số dư đầu kỳ	20.570.467.953	87.038.607.873
Tăng trong kỳ	21.310.348.561	83.264.789.281
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(11.473.764.588)	(147.914.727.296)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	(1.274.000.000)	(1.818.201.905)
Số dư cuối kỳ	29.133.051.926	20.570.467.953

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Máy móc và thiết bị	25.818.758.483	17.396.943.366
Các công trình khác	3.314.293.443	3.173.524.587
	29.133.051.926	20.570.467.953

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/03/2025		01/01/2025	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	185.321.819.727	3.968.499.460	21.566.491.281	210.856.810.468
Tăng trong kỳ	-	187.656.276	864.639.113	1.052.295.389
Phân bổ trong kỳ	(1.280.314.262)	(656.807.853)	(2.845.872.313)	(4.782.994.428)
Số dư cuối kỳ	184.041.505.465	3.499.347.883	19.585.258.081	207.126.111.429

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.218.055.903	2.218.055.903
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	306.898.610	306.898.610
Chi phí phải trả	20%	1.060.577.903	1.060.577.903
		3.585.532.416	3.585.532.416

18. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/03/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	01/01/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Trafigura Pte Ltd	87.049.142.295	27.291.325.954
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	17.698.183.169	16.105.542.087
Thai United Industry Co.,Ltd.	11.728.292.262	3.132.332.606
Korea Zinc Co.,Ltd. Onsan Complex	10.334.637.027	-
Công ty TNHH Srithai (Việt Nam)	10.183.470.348	9.315.852.719
Baoding Golden Sunlight Power	6.634.098.900	6.585.386.985
Samji Metal Ind Co.,Ltd	5.956.565.729	-
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	5.170.052.000	3.181.320.445
Các nhà cung cấp khác	57.118.347.350	67.921.207.464
	211.872.789.080	133.532.968.260

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/03/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	01/01/2025 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	883.138.140	956.027.880
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	932.375.400	403.382.100
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que Hàn	28.209.600	23.457.600
CN Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	38.500.000	38.500.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	31/03/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	746.663.469	(76.523.017.118)	114.373.692.321	(37.462.054.387)	1.135.284.285
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.822.548.930	12.656.147.673	-	(13.181.108.272)	8.297.588.331
Thuế thu nhập cá nhân	622.684.332	1.075.413.774	-	(4.107.527.537)	(2.409.429.431)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(2.381.673.970)	2.813.215.156	-	(2.156.935.570)	(1.725.394.384)
	7.810.222.761	(59.978.240.515)	114.373.692.321	(56.907.625.766)	5.298.048.801

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	01/01/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	31/03/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	183.010.452.344	(93.045.481.373)	114.373.692.321	-	204.338.663.292

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả**

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí bán hàng	56.453.020.596	3.116.750.326
Chi phí nghỉ mát, bảo hiểm, BHLĐ	4.722.421.481	11.968.780.640
Chi phí thuế BVMT	2.251.819.611	-
Chi phí vận chuyển	1.711.495.585	59.685.029
Chi phí lãi vay	706.488.786	1.329.808.021
Các khoản chi phí phải trả khác	2.226.665.107	1.636.652.432
	68.071.911.166	18.111.676.448

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Cổ tức	3.000.000.000	3.000.000.000
Tạm ứng dự án	1.186.243.804	536.717.393
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	538.927.419	1.299.667.093
Các khoản phải trả khác	34.185.867	23.268.649.224
	4.759.357.090	28.105.033.710

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2025		Biến động trong kỳ		31/03/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay bên thứ ba (i)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000
Vay ngân hàng (ii)	1.167.904.871.359	1.167.904.871.359	674.147.563.754	780.202.173.574	1.215.838.787	1.063.066.100.326
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	6.569.182.908	6.569.182.908	1.642.295.727	1.642.295.727	-	6.569.182.908
	1.206.974.054.267	1.206.974.054.267	675.789.859.481	781.844.469.301	1.215.838.787	1.102.135.283.234

(i) Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHĐ /VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hợp đồng này chưa được hoàn tất gia hạn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

Vay ngân hàng không có đảm bảo

	Loại tiền	Lãi suất		31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
		31/03/2025	01/01/2025		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	2,9%-4,5%	2,9%-4,5%	523.831.737.160	485.200.802.111
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,6%-3,7%	3,6%-3,7%	34.535.141.784	116.534.282.950
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,9%-3,7%	2,9%-3,7%	251.734.673.592	144.150.839.334
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,5%-3,6%	3,5%-3,6%	169.268.453.640	182.675.349.360
Ngân hàng Siam Bank Việt Nam	VND	3,9%	3,6%	48.120.181.956	92.397.168.829
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	USD	-	3,7%	-	21.772.810.934
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	3,9%	3,6%	35.575.912.194	125.173.617.841

1.063.066.100.326	1.167.904.871.359
-------------------	-------------------

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn
 Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/03/2025	Lãi suất	01/01/2025	31/03/2025	01/01/2025
					VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (i)	VND	7,0%		7,2%-8,2%	18.062.333.574	19.704.629.301
					18.062.333.574	19.704.629.301

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/03/2025			01/01/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	7.586.623.131	1.017.440.223	6.569.182.908	7.681.069.425	1.111.886.517	6.569.182.908
Trong vòng hai đến năm năm	11.493.150.666	-	11.493.150.666	13.223.788.339	88.341.946	13.135.446.393
	19.079.773.797	1.017.440.223	18.062.333.574	20.904.857.763	1.200.228.462	19.704.629.301

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Số dư đầu kỳ	11.090.279.515	10.128.016.370
Số trích lập/sử dụng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	11.090.279.515	10.128.016.370

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Số dư đầu kỳ	27.650.585.784	27.346.813.865
Quỹ trích lập trong kỳ	-	-
Quỹ sử dụng trong kỳ	(3.145.139.769)	(4.150.593.164)
Số dư cuối kỳ	24.505.446.015	23.196.220.701

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

Lợi nhuận thuần trong năm
Trích lập quỹ đầu tư phát triển
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi
Cổ tức bằng tiền

Vốn cổ phần
VND
Thặng dư
vốn cổ phần
VND
Quỹ đầu tư
phát triển
VND
Lợi nhuận sau thuế
chưa phân phối
VND
Tổng
VND

464.717.070.000
1.584.699.224
355.111.097.634
123.055.401.166
944.468.268.024
-
-
-
-
126.626.969.757
(34.097.572.537)
(9.266.386.010)
(92.943.414.000)
126.626.969.757
-
(9.266.386.010)
(92.943.414.000)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

Điều chỉnh
Lợi nhuận thuần trong kỳ
Trích lập quỹ đầu tư phát triển
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi
Cổ tức bằng tiền

464.717.070.000
1.584.699.224
389.208.670.171
113.374.998.376
968.885.437.771
-
-
-
-
(1.016.726.224)
29.137.966.168
-
-
-

Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

464.717.070.000
1.584.699.224
389.208.670.171
141.496.238.320
997.006.677.715

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2025		01/01/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/03/2025		01/01/2025	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Cty CP PinẮc quy Miền Nam	1.888.234	4,06%	1.888.234	4,06%
Các cổ đông khác	15.785.492	33,97%	15.785.492	33,97%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Trong vòng một năm	4.452.196.769	4.886.415.412
Trong vòng hai đến năm năm	1.828.291.571	2.611.845.101
	6.280.488.339	7.498.260.513

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.049.543.594	19.894.373.203

(c) Ngoại tệ các loại

	31/03/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	941.687,83	23.900.037.126	1.976.902,38	49.918.761.997
EUR	9,64	262.714	12,37	323.022
		23.900.299.840		49.919.085.019

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Doanh thu	604.084.588.313	580.813.466.854	257.805.039.094	214.402.815.438	861.889.627.407	795.216.282.292
	519.787.207.376	496.312.441.833	240.143.034.264	199.167.308.814	759.930.241.640	695.479.750.647
Giá vốn	84.297.380.937	84.501.025.021	17.662.004.830	15.235.506.624	101.959.385.767	99.736.531.645

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	1.045.946.338.934	939.004.550.405
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	170.817.317.428	143.788.268.113
▪ Hàng bán bị trả lại	13.239.394.099	-
	184.056.711.527	143.788.268.113
Doanh thu thuần	861.889.627.407	795.216.282.292

30. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Pin và ắc quy đã bán	759.857.995.967	695.479.750.647
Khuyến mãi có điều kiện	72.245.673	-
	759.930.241.640	695.479.750.647

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.780.085.372	11.185.037.458
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.957.088.370	2.119.835.705
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.132.795.868
Chiết khấu thanh toán	895.452.670	-
	10.632.626.412	12.172.077.295

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí tài chính**

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Chi phí lãi vay	9.798.043.399	11.575.070.999
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.514.353.902	3.006.490.374
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(10.054.199)	-
	13.302.343.102	14.581.561.373

33. Chi phí bán hàng

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Chi phí nhân viên	12.839.486.689	11.912.834.988
Chi phí vận chuyển	8.146.434.660	7.915.201.511
Chi phí quảng cáo	8.266.560.252	8.526.169.048
Chi phí bảo hành	7.099.138.355	5.269.446.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.371.651.217	3.137.075.682
Chi phí bao bì	1.081.748.130	843.513.764
Chi phí khấu hao và phân bổ	146.539.327	226.111.776
Chi phí bán hàng khác	1.061.920.341	3.809.775.443
	43.013.478.971	41.640.128.809

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Chi phí nhân viên	9.155.392.449	8.331.468.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.654.632.770	2.708.365.604
Chi phí khấu hao và phân bổ	301.407.931	182.040.722
Chi phí công cụ và dụng cụ	72.067.573	49.227.088
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.126.113.733	4.008.247.617
	15.309.614.456	15.279.349.136

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	553.219.907.901	530.650.307.685
Chi phí nhân công và nhân viên	76.844.362.394	71.286.552.400
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.255.591.083	20.900.646.826
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	81.984.215.092	77.365.904.574

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Ky hiện hành	8.540.988.615	8.127.390.372
Dự phòng thiếu trong các năm trước	3.406.954.092	4.503.692.760
	11.947.942.707	12.631.083.132
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	-
Chi phí thuế thu nhập	11.947.942.707	12.631.083.132

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.085.908.875	40.462.736.227
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.217.181.776	8.092.547.244
Chi phí không được khấu trừ thuế	323.806.839	34.843.128
Dự phòng thiếu trong các năm trước	3.406.954.092	4.503.692.760
	11.947.942.707	12.631.083.132

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	29.137.966.168	27.831.653.094
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(2.913.796.617)	(2.783.165.309)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	26.224.169.551	25.048.487.785
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	564	539

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi Q1/2025 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Quý 1/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>		
Cổ tức	-	11.949.136.500
Furukawa Battery Co Ltd.		
Phí bản quyền	626.418.516	658.383.646
Cổ tức	-	2.449.854.000
Bên liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	3.339.743.400	1.110.319.380
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	1.508.063.700	1.547.047.700
<i>Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn</i>		
Mua hàng hóa	71.409.600	73.251.000
<i>Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất</i>		
Mua hàng hóa	52.800.000	52.800.000
<i>Công ty Cổ phần Pin Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	108.137.700	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Ông Lê Hoàng	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Năm	22.500.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	44.400.000	39.900.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	44.400.000	39.900.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Bà Phan Thị Hoàng Giang	25.500.000	19.500.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	25.500.000	19.500.000
Lương, thưởng và phụ cấp		
Ông Tạ Duy Linh	186.989.891	194.770.232

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nhân sự quản lý chủ chốt
Lương, thưởng và phụ cấp

Tổng giám đốc

Thành viên khác của Ban Giám đốc

Giá trị giao dịch	
Quý 1/2025	Quý 1/2024
VND	VND

221.200.000

588.476.974

218.310.000

583.512.451

39. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh nêu trên, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Kiều Ly
Nhân viên kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PIN ÁC
QUY
MIỀN
NAM

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN PIN ÁC
QUY MIỀN NAM
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ
MINH, L=quận 1, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN
ÁC QUY MIỀN NAM,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0300405462
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2025.04.18
15:20:32+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2024.4.0

